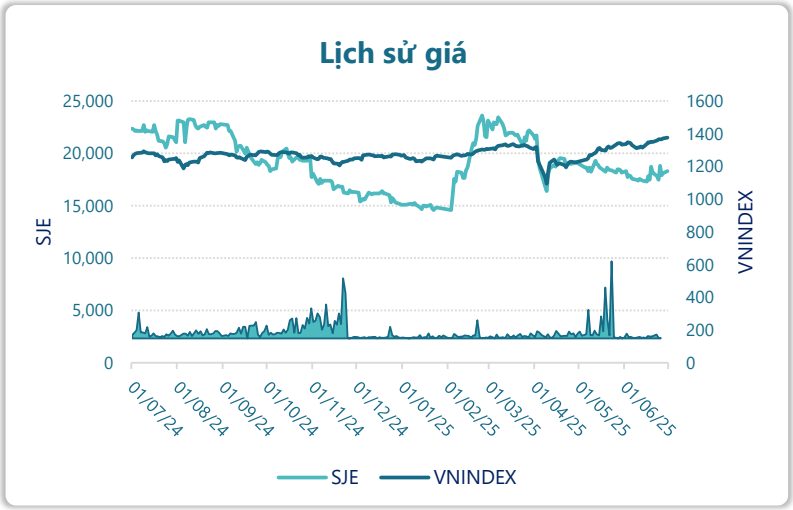
FireAnt

CTCP Sông Đà 11 (HNX: SJE)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,618
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,585
SL cổ phiếu LH	42,295,244
KLGD BQ 20 phiên (CP)	91,975
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	774
P/E	6.0
EPS	3,056

DT thuần

Q2/25

685

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 475| 226%

YoY: ▼215| -23.9%

LN sau thuế

Q2/25

48.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.1| 59.5%

YoY: ▼23.1| -32.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

10.8%

+/- YoY: ▼ 0.2%

DT thuần

6T 2025

895

tỷ VNĐ

YoY: ▼171| -16.1%

LN sau thuế

6T 2025

78.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼26.1| -24.6%

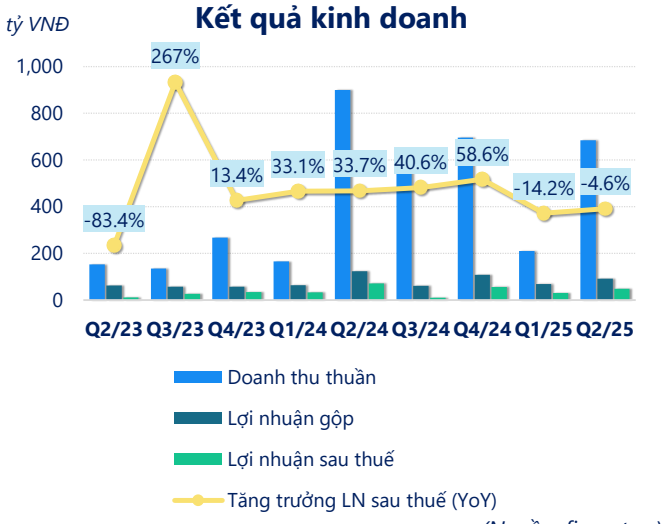
ROE

Q2/25

14.3%

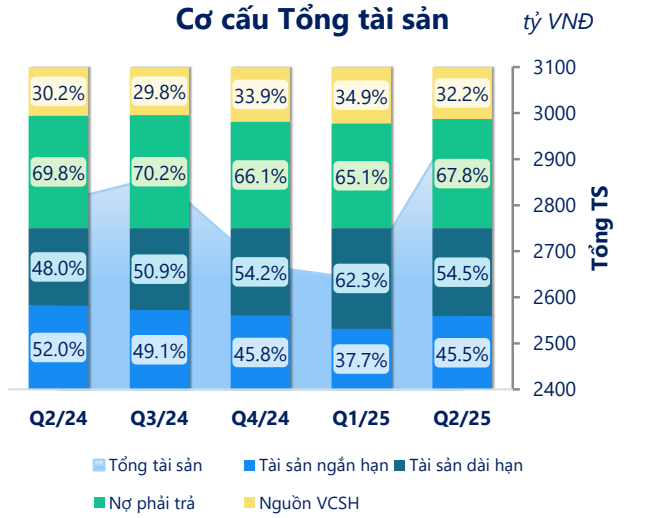
+/- YoY: ▼ 5.6%

Kết quả kinh doanh



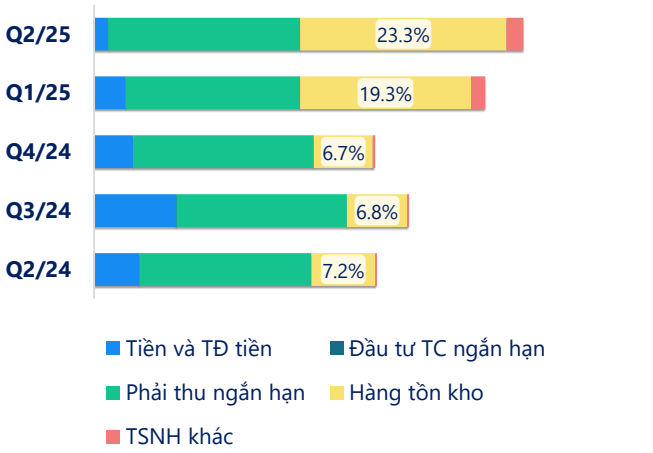
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



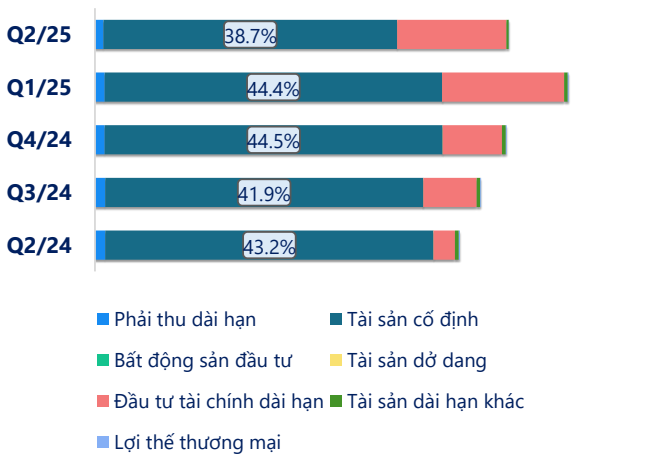
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



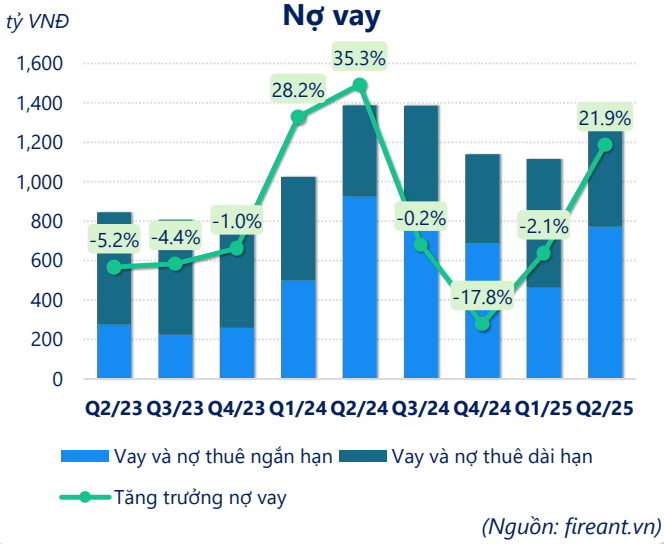
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



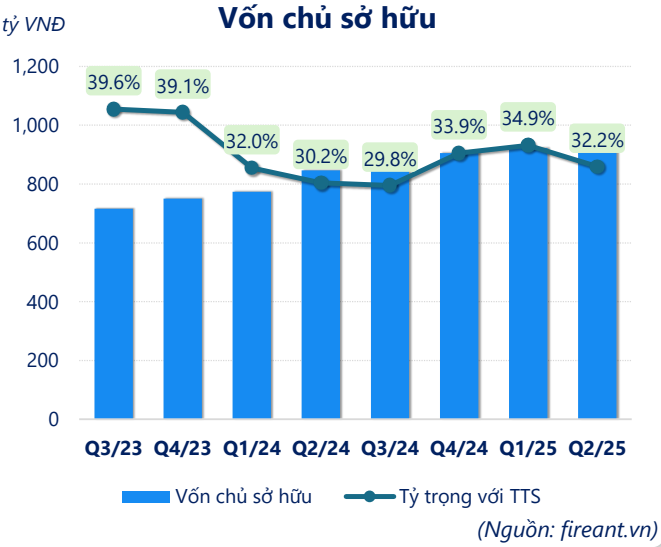
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



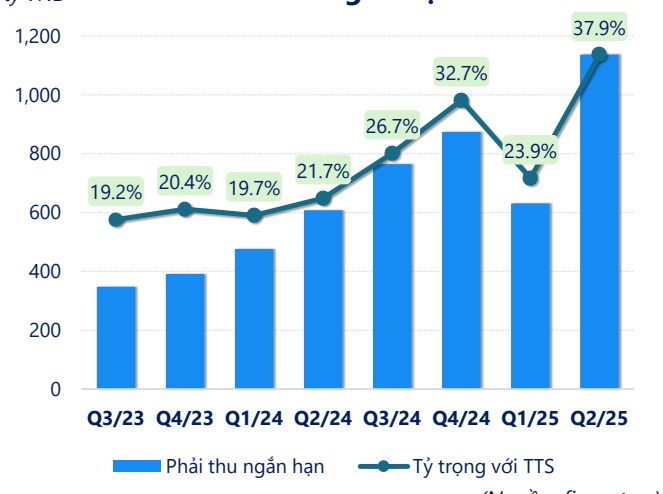
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



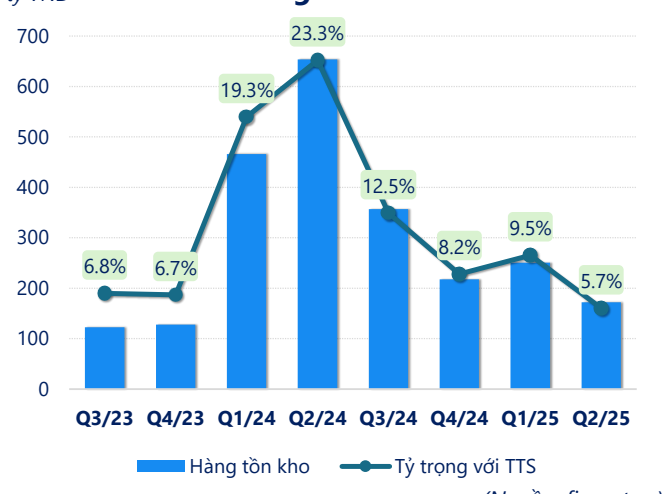
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



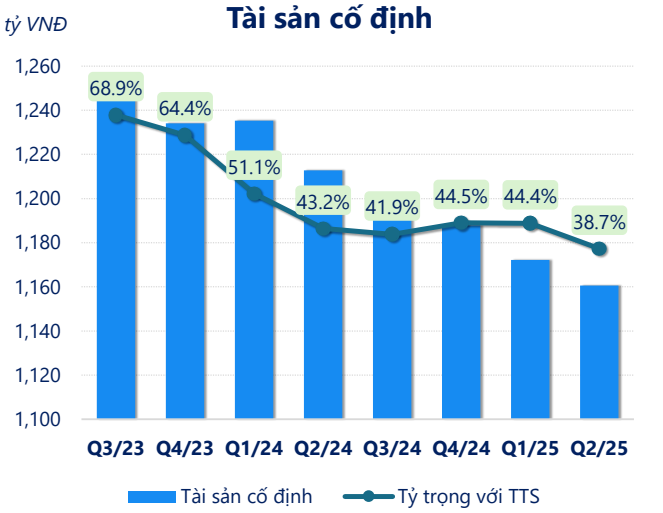
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



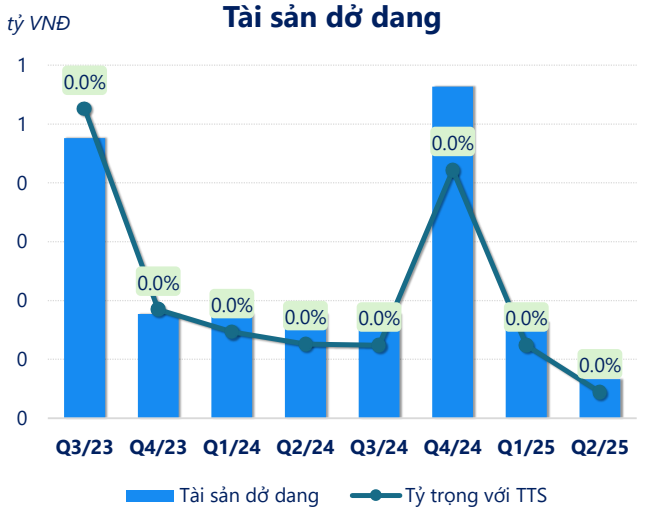
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



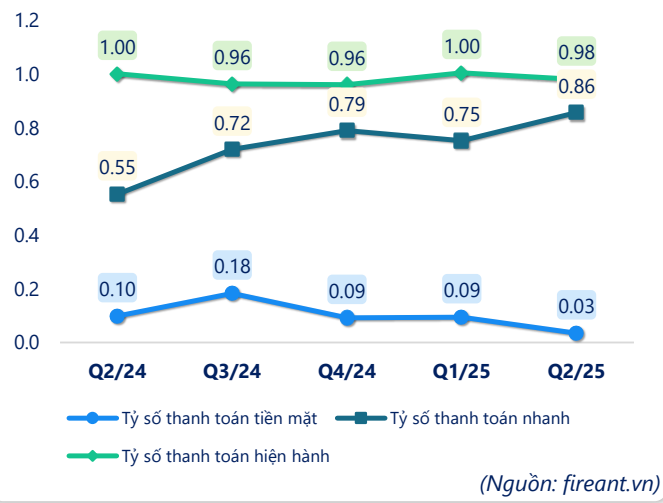
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



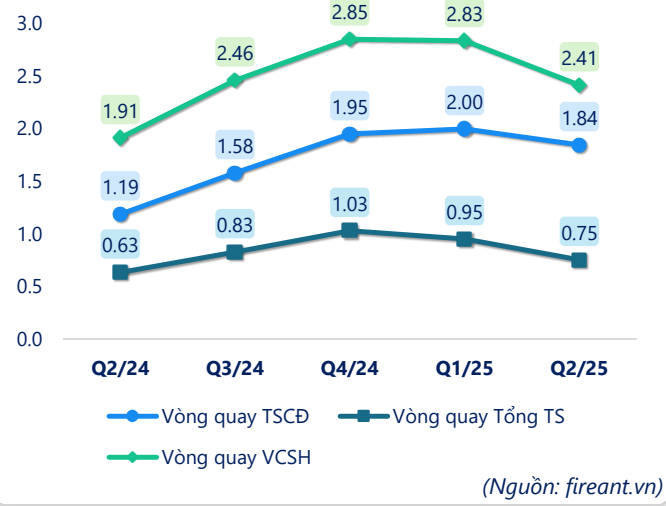
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,807**	**2,862**	**2,669**	**2,640**	**3,002**
Tài sản ngắn hạn	**1,458**	**1,406**	**1,222**	**994**	**1,365**
Tiền và tương đương tiền	144	267	117	93.7	48.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.08	0.08	0.08	2.28	2.78
Phải thu ngắn hạn	608	765	874	631	1,137
Hàng tồn kho	654	357	218	250	172
Tài sản ngắn hạn khác	53.2	17.8	13.6	16.9	4.88
Tài sản dài hạn	**1,349**	**1,455**	**1,446**	**1,645**	**1,637**
Phải thu dài hạn	38.2	38.2	33.8	33.8	33.8
Tài sản cố định	1,213	1,199	1,188	1,172	1,161
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.18	0.18	0.56	0.16	0.07
Đầu tư tài chính dài hạn	78.9	201	207	424	431
Tài sản dài hạn khác	14.7	13.6	14.1	12.9	9.33
Lợi thế thương mại	3.73	3.30	2.87	2.44	2.01
Nợ phải trả	**1,960**	**2,008**	**1,763**	**1,717**	**2,035**
Nợ ngắn hạn	**1,456**	**1,460**	**1,272**	**989**	**1,392**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	925	878	689	463	772
Phải trả người bán ngắn hạn	193	184	330	203	250
Nợ dài hạn	504	549	491	728	642
Vay và nợ thuê dài hạn	462	507	449	652	587
Nguồn vốn chủ sở hữu	**846**	**853**	**906**	**922**	**967**
Vốn chủ sở hữu	**846**	**853**	**906**	**922**	**967**
Vốn điều lệ	242	242	242	242	242
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)